| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH HƯNG YÊN** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 86/2024/HS-ST
Ngày: 06/9/2024

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Trần Ngọc Lâm.
Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Phượng.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Lan.
Ông Vũ Văn Kiên.
Ông Hoàng Xuân Trường.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Đông Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà*:

Bà: Hoàng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2024/TLST - HS ngày 07/8/2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2024/QĐXXST - HS ngày 23/8/2024, đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Thị Lan A,** sinh năm 1975 tại: huyện T, tỉnh Hưng Yên; Giới tính: Nữ.

HKTT: phố N, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện tại: thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: giáo viên; Chức vụ: Nguyên Phó Hiệu trưởng Trường tiểu học xã D Đảng viên, đã bị Khai trừ ra khỏi Đảng tại Quyết định số 408-QĐ/HU ngày 20/8/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy T2 (Công văn số 173-CV/UBKTHU ngày 21/8/2024 về việc Thông báo đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật Đảng); Con ông: Nguyễn Trung K; Con bà: Bùi Thị B. Chồng: Nguyễn Văn B1. Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2004.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 20/3/2023. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Ngô Đình K1 - Văn phòng L2, Đoàn luật sư tỉnh H (có mặt).

***Người bị hại:**

1/Chị Vũ Thị L, sinh năm 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: phố P, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/Bà: Bùi Thị L1, sinh năm 1939 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

2/Chị: Bùi Thị T, sinh năm 1986.

Trú tại: thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

3/Anh: Đào Văn P, sinh năm 1989.

Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Đều có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1975, trú tại: phố N, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên và chị Vũ Thị L, sinh năm 1978, trú tại: phố P, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên có quan hệ quen biết với nhau.

Do làm ăn thua lỗ nên ngày 20/10/2022, Lan A đặt vấn đề hỏi vay chị L số tiền 1.480.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận của các bên. Để chị L tin tưởng và cho vay tiền, Lan A đã đưa cho chị L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số: 20, tờ bản đồ số 27, diện tích 701m2 tại thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên mang tên bà Bùi Thị L1 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 297, tờ bản đồ số 12, diện tích 58,75m2 tại xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên mang tên anh Đào Văn P) nói dối là của Lan A đã mua lại của chủ sử dụng đứng tên trong Giấy chứng nhận, đang chờ làm thủ tục sang tên và thỏa thuận sẽ thế chấp 02 Giấy chứng nhận này cho chị L để đảm bảo khoản vay, chị L tin tưởng đồng ý cho Lan A vay số tiền trên. Lan A viết 02 giấy biên nhận tương ứng với 02 khoản vay thể hiện nội dung: Lan A sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị L1 để đảm bảo cho khoản vay là 950.000.000đồng trong thời hạn 01 tháng và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đào Văn P để đảm bảo cho khoản vay số tiền là 530.000.000đồng trong thời hạn 01 đến 03 tháng, đồng thời cam kết nếu hết thời hạn vay Lan A không trả tiền chị L thì chị L có toàn quyền định đoạt đối với 02 thửa đất trên.

Thực tế 02 thửa đất trên không phải của Lan A. Thửa đất số 20, tờ bản đồ số 27, diện tích 701m2 tại thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên là của bà Bùi Thị L1, sinh năm 1939, trú tại: thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên; thửa đất số 297, tờ bản đồ số 12, diện tích 58,75m2 tại xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên là của anh Đào Văn P và chị Bùi Thị T. Do quen biết, bà L1, anh P và chị T đã nhờ Lan A làm giúp thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Sau khi làm xong thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Lan A không đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những cá nhân trên mà sử dụng để thế chấp vay tiền của chị L như đã nêu trên.

Đến thời hạn trả nợ, Lan A không thực hiện việc trả tiền như đã cam kết, qua tìm hiểu chị L biết toàn bộ 02 thửa đất Lan A thế chấp vay tiền của chị đều là của người khác không phải của Lan A nên đã làm đơn trình báo đến Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, đồng thời giao nộp cho Cơ quan điều tra - Công an tỉnh H: 02 giấy biên nhận Lan A viết khi vay tiền; 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà L1 và anh P mà Lan A đã sử dụng để thế chấp vay tiền của chị; 01 tập tin, hình ảnh Zalo giữa chị L và Lan A vào nhiều ngày từ 14/10/2022 đến ngày 11/9/2023 thể hiện việc chị L nhiều lần nhắn tin đòi tiền nhưng Lan A không trả, một số tin nhắn Lan A còn có thái độ bất cần, buông xuôi không trả tiền cho chị L.

Tại bản kết luận giám định số: 96/KL-KTHS ngày 26/02/2024 của Phòng K2 - Công an tỉnh H, kết luận: *Chữ ký, chữ viết trên 02 Giấy biên nhận do Nguyễn Thị Lan A ký và viết ra; hình dấu tròn và chữ ký trên 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên anh Đào Văn P là dấu tròn của Sở tài nguyên - môi trường tỉnh H và chữ ký của ông Bùi Văn H - Phó Giám đốc Sở T; hình dấu tròn và chữ ký trên 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị L1 là hình dấu tròn của UBND huyện T2, tỉnh Hưng Yên và chữ ký của ông Nguyễn Thế H1 - Phó chủ tịch UBND huyện T2*.

Ngày 19/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H tiến hành khám xét tại chỗ ở tại: thôn D, xã D, huyện T và nơi làm việc tại: Trường tiểu học xã D, huyện T của L. Kết quả: không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Thị Lan A đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai nhận của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

**Về vật chứng của vụ án*: 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone màu hồng, bên trong điện thoại lắp 01 sim V có số thuê bao 0976474367 và 01 chiếc máy tính sách tay, nhãn hiệu Dell Vostro màu đen; 01 (một) Phong bì niêm phong được dán kín, ký hiệu "GH-LA" bên trong phong bì có chứa 01 (một) USB màu đen nhãn hiệu Kingston (Ghi hình có âm thanh Lan Anh ngày 21/12/2023" với nội dung Nguyễn Thị Lan A tự đọc bản tự khai ngày 21/12/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh H và 01 (một) Phong bì niêm phong được dán kín, ký hiệu "GH-LA2" bên trong phong bì có chứa 01 (một) USB màu đen (Ghi hình có âm thanh Lan Anh ngày 20/3/2024" với nội dung Nguyễn Thị Lan A tự đọc bản tự khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh H. Toàn bộ vật chứng này hiện đang quản lý tại Kho vật chứng của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

*Về trách nhiệm dân sự:* Chị Vũ Thị L yêu cầu bị cáo Lan A khắc phục hậu quả trả lại chị số tiền 1.480.000.000đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt. Bà Bùi Thị L1 yêu cầu bị cáo trả lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 20, tờ bản đồ số 27 mang tên bà L1. Anh Đào Văn P và chị Bùi Thị T yêu cầu bị cáo trả lại Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 287, tờ bản đồ số 12 mang tên anh P, chị T.

Bản cáo trạng số: 74/CT-VKS-P3 ngày 06/8/2024 của VKSND tỉnh Hưng Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Lan A về tội "***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

***Tại phiên tòa:***

***** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Lan A phạm tội "***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan A từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 20/3/2024. Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho người bị hại là chị Vũ Thị L số tiền: 1.480.000.000đồng.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

*Bị cáo Nguyễn Thị Lan A trình bày: Nhất trí, không bổ sung bản bào chữa của luật sư, không có quan điểm tranh luận với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo thành khẩn khai báo, năn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

*Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với nội dung bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích, nhiều lần được công nhận chiến sỹ thi đua cơ sở, được cấp có thẩm quyền tặng giấy khen, bị cáo có thân nhân được tặng thưởng huân chương. Đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo cải tạo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

* Những người có quyền lợi liên quan: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bị cáo đã sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

*[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng:* Cơ quan Điều tra - Công an tỉnh H và Điều tra viên; Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Hưng Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng từ giai đoạn điều tra cho đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

*[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người bị hại, những người có quyền, lợi ích liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án: Các giấy cam kết, các kết luận giám định về chữ ký, chữ viết cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Do làm ăn thua lỗ nên ngày 20/10/2022, bị cáo Nguyễn Thị Lan A đặt vấn đề hỏi vay chị Vũ Thị L số tiền 1.480.000.000đồng, lãi suất theo thỏa thuận của các bên. Để chị L tin tưởng và cho vay tiền, bị cáo đã đưa cho chị L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị L1 tại thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên và anh Đào Văn P tại xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên nói dối là của bị cáo đã mua lại của chủ sử dụng đứng tên trong Giấy chứng nhận, đang chờ làm thủ tục sang tên và thỏa thuận sẽ thế chấp 02 Giấy chứng nhận này cho chị L để đảm bảo khoản vay, chị L tin tưởng đồng ý cho bị cáo vay số tiền trên. Bị cáo viết 02 giấy biên nhận tương ứng với 02 khoản vay thể hiện nội dung: sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Bùi Thị L1 để đảm bảo cho khoản vay là 950.000.000đồng trong thời hạn 01 tháng và sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Đào Văn P và chị Bùi Thị T để đảm bảo cho khoản vay 530.000.000đồng trong thời hạn 01 đến 03 tháng, đồng thời cam kết nếu hết thời hạn vay bị cáo không trả tiền chị L thì chị L có toàn quyền định đoạt đối với 02 thửa đất trên.

Thực tế 02 thửa đất trên không phải của bị cáo. Do quen biết, bà L1, anh P và chị T đã nhờ bị cáo làm giúp thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất. Sau khi làm xong thủ tục và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị cáo không đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho những cá nhân trên mà sử dụng để thế chấp vay tiền của chị L như đã nêu trên.

Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của chị L số tiền 1.480.000.000đồng. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như vậy là có căn cứ, đúng pháp luật.

*[4]. Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo:*

*+Về tình tiết giảm nhẹ:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; quá trình công tác bị cáo hai lần được Cơ quan có thẩm quyền tặng danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng qui định tại điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo có bố đẻ được tặng thưởng nhiều Huân chương, chồng được tặng Huy chương quân kỳ quyết thắng; bị cáo được tặng nhiều Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T2; kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

+*Về tình tiết tăng nặng:* Không.

+*Về đặc điểm nhân thân*: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

*[5] Về hình phạt:* Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo như đã phân tích ở trên, xét thấy: Mặc dù bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chiếm đoạt số tiền lớn và không có ý thức khắc phục bồi thường cho người bị hại. Do vậy, khi quyết định hình phạt cần tuyên phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc và tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như nội dung đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và đảm bảo tính răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

*[6]. Về hình phạt bổ sung:* Bị cáo phạm tội với động cơ vụ lợi, lẽ ra phải phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo hiện còn phải bồi thường trả người bị hại số tiền đặc biệt lớn nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo.

*[7]. Về trách nhiệm dân sự:* Người bị hại có quan điểm yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét thấy, yêu cầu của người bị hại là có căn cứ và đúng pháp luật cần được chấp nhận.

* Về vật chứng:

- Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng bên trong lắp 01 sim thẻ Viettel là số thuê bao 0976474367 và 01 máy tính sách tay nhãn hiệu Dell Vostro màu đen, bị cáo không sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, là tài sản của bị cáo cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà L1; anh P, chị T, bị cáo sử dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bà L1, anh P và chị T không biết và có yêu cầu được trả lại nên cần trả cho bà L1, anh P và chị T.

- 01 (một) Phong bì niêm phong được dán kín, ký hiệu "GH-LA" bên trong phong bì có chứa 01 (một) USB màu đen nhãn hiệu Kingston (Ghi hình có âm thanh Lan Anh ngày 21/12/2023" với nội dung Nguyễn Thị Lan A tự đọc bản tự khai ngày 21/12/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H và 01 (một) Phong bì niêm phong được dán kín, ký hiệu "GH-LA2" bên trong phong bì có chứa 01 (một) USB màu đen (Ghi hình có âm thanh Lan Anh ngày 20/3/2024" với nội dung Nguyễn Thị Lan A tự đọc bản tự khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H là chứng cứ của vụ án cần được lưu hồ sơ vụ án.

*[8]. Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí theo theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 3; Điều 21 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

***1. Về tội danh:***

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Lan A phạm tội "***Lừa đảo chiếm đoạt tài sản***".

***2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:***

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Lan A 12 (*mười hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 20/3/2023.

***3. Về trách nhiệm dân sự:*** Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584; 585; 586 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Lan A phải trả lại chị Vũ Thị L, sinh năm 1978; Trú tại: phố P, thị trấn V, huyện T, tỉnh Hưng Yên số tiền: 1.480.000.000 đồng (*một tỷ bốn trăm tám mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án khoản tiền phải trả trên thì còn phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật.*

***4. Xử lý vật chứng:*** Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại bà Bùi Thị L1, sinh năm 1939; Trú tại: thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BT 071436 tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 27, diện tích 701m2 tại thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Trả lại anh Đào Văn P, sinh năm 1989; Trú tại: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DC 255263 tại thửa đất số 297, tờ bản đồ số 12, diện tích 58,75m2 tại xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên (cùng sử dụng đất với chị Bùi Thị T, sinh năm 1986, Trú tại: thôn D, xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Lan A: 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng (đã qua sử dụng), điện thoại có I: 357266096355777, bên trong điện thoại nắp một thẻ sim V, trên thân sim có 4 dãy số cuối là 6023, chiếc điện thoại được đựng trong phong bì niêm phong dán kín ký hiệu: ĐT-LA2", trên phong bì có chữ ký xác nhận của Phí Văn S, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Lan A và đóng dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H và 01 (một) Máy tính xách tay (láp tốp) nhãn hiệu Dell Vostro màu đen (đã qua sử dụng, máy tính được niêm phong trong thùng catton dán kín ký hiệu "MT-LA" bên trên thùng dán niêm phong có chữ ký xác nhận của Phí Văn S, Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị Lan A và đóng dấu đỏ của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh H.

- Lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) Phong bì niêm phong được dán kín, ký hiệu "GH-LA" bên trong phong bì có chứa 01 (một) USB màu đen nhãn hiệu Kingston (Ghi hình có âm thanh Lan Anh ngày 21/12/2023" với nội dung

Nguyễn Thị Lan A tự đọc bản tự khai ngày 21/12/2023 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh H và 01 (một) Phong bì niêm phong được dán kín, ký hiệu "GH-LA2" bên trong phong bì có chứa 01 (một) USB màu đen (Ghi hình có âm thanh Lan Anh ngày 20/3/2024" với nội dung Nguyễn Thị Lan A tự đọc bản tự khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an tỉnh H.

*Đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/8/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.*

***5. Về án phí:*** Bị cáo Nguyễn Thị Lan A phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 56.400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng là 56.600.000 đồng *(Năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng)*.

***6. Về quyền kháng cáo:*** Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Ngọc Lâm**

***Nơi nhận:***
- Vụ GĐKT 1- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CQ CSĐT- CA tỉnh Hưng Yên;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người liên quan;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Hưng Yên;
- Lưu VP.